|  |  |
| --- | --- |
| HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA  HỒ CHÍ MINH  **HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN**  **\***  Số 3780 -QĐ/HVBCTT-ĐT | **ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**  *Hà Nội, ngày 09 tháng 9 năm 2019* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định chuẩn đầu ra trình độ Ngoại ngữ, Tin học**

**đối với các hệ, các trình độ đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền**

**-----**

Căn cứ Quyết định số 6591-QĐ/HVCTQG ngày 01/11/2018 của Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Căn cứ Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế Đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Thông tưsố [08/2017/TT-BGDĐT](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=10/2009/TT-BGD%C4%90T&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 04/4//2017của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạoban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Công văn số 5957/BGDĐT-GDĐH ngày 20/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn dạy học ngoại ngữ tăng cường;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định Về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Xét đề nghị của Trưởng ban Quản lý Đào tạo,

**GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Quy định chuẩn đầu ra trình độ Ngoại ngữ, Tin học đối với các hệ, các trình độ đào tạo tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền (*có văn bản kèm theo*).

**Điều 2.**Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các quyết định, quy định trước đây.

**Điều 3.**Trưởng ban Quản lý Đào tạo, Thủ trưởng các đơn vị liên quan và các sinh viên, học viên của Học viện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

|  |  |
| --- | --- |
| Nơi nhận:  - Học viện CTQG HCM,  - Bộ Giáo dục và Đào tạo,  - Ban Giám đốc Học viện,  - Như điều 3,  - Lưu VT, ĐT. | **GIÁM ĐỐC**  *(Đã ký)*  **Trương Ngọc Nam** |

**QUY ĐỊNH**

**Chuẩn đầu ra trình độ Ngoại ngữ, Tin học**

**đối với các hệ, các trình độ đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền**

(*Ban hành kèm theo Quyết định số 3780-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 09/9/2019 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)*

**1. Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ**

***1.1. Đối với sinh viên tốt nghiệp đại học***

*1.1.1. Tiếng Anh*

- Các chương trình Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Chính trị phát triển, Chính sách công, Quản lý hoạt động tư tưởng - văn hoá, Văn hoá phát triển, Truyền thông chính sách, Giảng viên Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước, Công tác tổ chức, Quản lý xã hội, Quản lý hành chính nhà nước, Quay phim truyền hình, Biên tập xuất bản, Xuất bản điện tử, Công tác xã hội, Kinh tế và quản lý, Quản lý kinh tế, Quản lý công: Người học khi tốt nghiệp phải đạt trình độ ngoại ngữ tương đương cấp độ B1 theo Khung tham chiếu trình độ ngoại ngữ chung châu Âu.

- Các chương trình Quan hệ chính trị và Truyền thông quốc tế, Thông tin đối ngoại, Báo in, Ảnh báo chí, Báo phát thanh, Báo truyền hình, Báo mạng điện tử, Phát triển và ứng dụng truyền thông đa phương tiện, Sản phẩm truyền thông đa phương tiện, Sản phẩm truyền thông đại chúng, Truyền thông đại chúng ứng dụng, Truyền thông quốc tế, Quan hệ công chúng chuyên nghiệp, Quảng cáo - Marketing, Xã hội học, Báo truyền hình chất lượng cao, Báo mạng điện tử chất lượng cao, Kinh tế và Quản lý chất lượng cao, Quan hệ quốc tế và Truyền thông toàn cầu chất lượng cao, Truyền thông marketing: Người học khi tốt nghiệp phải đạt trình độ ngoại ngữ tương đương cấp độ B2 theo Khung tham chiếu trình độ ngoại ngữ chung châu Âu.

- Các chương trình đào tạo chất lượng cao: Người học từ khóa 39 trở đi khi tốt nghiệp phải có chứng chỉ ngoại ngữ tương đương cấp độ B2 do các Trung tâm khảo thí quốc tế cấp.

- Ngành Ngôn ngữ Anh: Người học khi tốt nghiệp phải đạt trình độ tiếng Anh tương đương cấp độ C1 theo Khung tham chiếu trình độ ngoại ngữ chung châu Âu. Đồng thời, sinh viên tốt nghiệp phải có khả năng giao tiếp bằng một ngoại ngữ khác tương đương cấp độ B1 theo Khung tham chiếu trình độ ngoại ngữ chung Châu Âu.

*1.1.2. Các ngoại ngữ khác*:

Sinh viên chỉ được công nhận tốt nghiệp nếu đạt trình độ ngoại ngữ tương đương với chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh của ngành/chuyên ngành đó theo Khung tham chiếu trình độ ngoại ngữ chung châu Âu (được quy định ở Phụ lục I).

***1.2. Đối với học viên cao học***

Học viên đủ điều kiện bảo vệ luận văn thạc sĩ nếu có một trong các chứng chỉ, văn bằng sau đây:

- Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tương đương cấp độ B1 trở lên theo Khung tham chiếu trình độ ngoại ngữ chung châu Âu.

- Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ được đào tạo ở nước ngoài;

- Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngoại ngữ.

**2. Chuẩn đầu ra Tin học đối với sinh viên tốt nghiệp đại học**

Sinh viên tất cả các ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ đại học chỉ được công nhận tốt nghiệp nếu có Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin theo quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, do các đơn vị đủ điều kiện tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép (176 đơn vị theo Thông báo số 538/QLCL-QLVBCC ngày 20/5/2019 của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo*Thông báo Danh sách các đơn vị đủ điều kiện tổ chức thi, cấp chứng chỉ ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin*).

**3. Các quy định chung**

- Chứng chỉ Ngoại ngữ do các cơ sở đào tạo trong nước cấp chỉ áp dụng đối với các lớp đại học hệ đại trà và các lớp sau đại học.

- Chứng chỉ ngoại ngữ do các Trung tâm khảo thí quốc tế cấpphải đủ 4 kỹ năng, trong thời hạn 02 năm tính đến ngày xét công nhận tốt nghiệp đại học.

*-*Trong trường hợp cần thiết, đối với các chứng chỉ Ngoại ngữ, chứng chỉ Tin học do các cơ sở đào tạo ngoài Học viện cấp,Giám đốc Học viện sẽ thành lập Hội đồng kiểm tra năng lực Ngoại ngữ, Tin học của các sinh viên, học viên đã có chứng chỉ. Kết quả kiểm tra sẽ được sử dụng làm kết quả chính thức để xét chuẩn đầu ra về Ngoại ngữ, Tin học tại Học viện.

**GIÁM ĐỐC**

*(Đã ký)*

**Trương Ngọc Nam**

PHỤ LỤC I

**BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP ĐỘ B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU**

**Tiếng Anh**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ (CEFR)** | IELTS | TOEFL | TOEIC | Cambridge Exam | BEC | BULATS |
| **B1** | 4.5 | 450 PBT133 CBT 45 iBT | 450 | Preliminary PET | Business Preliminary | 40 |
| **B2** | 5.5 | 500 BPT 173 CBT 61 iBT | 600 | First FCE | Busines Vantage | 60 |

(*Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được*)

**Một số ngoại ngữ khác**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ (CEFR)** | **Tiếng Nga** | **Tiếng Pháp** | **Tiếng Đức** | **Tiếng Trung** | **Tiếng Nhật** |
| **B1** | TRKI 1 | DELF B1  TCF niveau 3 | B1  ZD | HSK cấp độ 3 | JLPT N4 |
| **B2** | TRKI 2 | DELF B2  TCF niveau 4 | B2  TestDaF level 4 | HSK cấp độ 4 | JLPT N3 |

**Ghi chú:**Đối với một số chứng chỉ quốc tế không thông dụng khác, học viên cần xin xác nhận của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

PHỤ LỤC 2

**DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ CẤP CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Ngoại ngữ** | **Chứng chỉ đạt yêu cầu**  **tối thiểu** | | **Đơn vị cấp chứng chỉ** |
| 1 | Tiếng Anh | IELTS | 4.5 | - British Council (BC)  - International Development Program (IDP) |
| TOEIC | 450 | - British Council (BC)  - Educational Testing Service (ETS)  - International Development Program (IDP)  - IIG |
| Cambridge Exam | PET |
| BEC | Preliminary |
| BULATS | 40 |
| CEFR | B1 | - Học viện Báo chí và Tuyên truyền  - Các cơ sở đào tạo theo Thông báo số 538/QLCL-QLVBCC ngày 20/5/2019 của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo |
| 2 | Tiếng Nga | TRKI | Cấp độ 1 | Trung tâm Khoa học và Văn hóa Nga tại Hà Nội (The Russian centre of science and culture in Hanoi) |
| 3 | Tiếng Pháp | - DELF  - TCF niveau | - B1  - Cấp độ 3 | Trung tâm Nghiên cứu Sư phạm quốc tế (Centre International d’Etudes Pedagogiques - CIEP) |
| 4 | Tiếng  Trung Quốc | HSK | Cấp độ 3 | - Văn phòng Hán ngữ đối ngoại Trung Quốc (Han Ban)  - Ủy ban Khảo thí trình độ Hán ngữ quốc gia (The National Committee for the Test of Proficiency in Chinese) |
| 5 | Tiếng Đức | - ZD | B1 | Ủy ban giáo dục phổ thông Đức tại nước ngoài (ZfA) |
| 6 | Tiếng Nhật | JLPT | Cấp độ N4 | Quỹ Giao lưu quốc tế Nhật Bản (Japan Foundation) |